

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/DS-PT
Ngày: 08 - 3 - 2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 184/38/49/73 đường Âu Dương L, phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 137/86 đường Âu Dương L, phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 184/38/49/90 đường Âu Dương L, phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Văn Th** – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Th - Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

Bị đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp GT, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Lê Trường X**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 147/11/6 TTT, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố Hòa Thơm 2, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 137/86 đường Âu Dương L, phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 184/38/49/90 đường Âu Dương L, phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 20/5/2018 bà cho anh Nguyễn Thanh T vay số tiền là 2.000.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy vay tiền viết tay, không có lãi suất, thời hạn trả là 01 năm, anh T đã nhận đủ số tiền 2.000.000.000 đồng. Nhưng đến hạn trả nợ thì anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Bà đã yêu cầu anh T nhiều lần trả tiền cho bà nhưng anh T không thiện chí trả nợ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho bà số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi (tiền lãi tạm tính là 362.739.726 đồng). Trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Nay bà Nhon khởi kiện yêu cầu anh T trả lại cho bà số tiền 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Người đại diện ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Thanh T là anh Lê Trường X trình bày: Anh T có ký tên vào giấy vay tiền ngày 20/5/2018, tuy nhiên khi ký tên vay tiền thì giữa anh T và chị Hồng vẫn còn quan hệ vợ chồng, mục đích ký tên là để cam kết rằng sau này khi nào anh T bỏ rơi chị H thì chị H có cơ sở để ràng buộc anh T không bỏ rơi chị H, chứ thực chất không có vay

nghĩa vụ đơn yêu cầu, anh T không có nhận tiền của bà N nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Việc mượn tiền lúc vợ chồng còn hòa thuận, anh T nói với mẹ chị là bà N mượn 2.000.000.000 đồng để làm ăn riêng ở quê, nên bà Nhon cho anh T mượn 2.000.000.000 đồng, anh T đếm đủ số tiền và ký vào biên nhận nợ. Việc mượn tiền này không liên quan gì đến chị, nếu chị có vay tiền là sẽ cùng anh T ký tên vào giấy vay tiền.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2021 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với hai phần đất thửa số 63 và 64, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã TT, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06414 và CS06415 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 04/7/2018 cho Nguyễn Thanh T đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/8/2022, bị đơn Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông. Đề nghị Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N đưa ra nhiều lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kim H, người đại diện ủy quyền cho bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi của số tiền 2.000.000.000đồng, cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ và phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh T trả số nợ vay là 2.000.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N cung cấp một “giấy vay tiền” ghi ngày 20/5/2018 do anh T viết và ký tên. Anh T thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là do anh viết và ký tên nhưng anh cho rằng anh không nhận tiền của bà N nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Nhon.

[3] Án sơ thẩm xử buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà Nhon số tiền 2.000.000.000đồng, anh T không đồng ý và có yêu cầu kháng cáo với nội dung: “Giấy vay tiền” ngày 20/5/2018 có dấu hiện chỉnh sửa, bổ sung thêm nội dung “thời hạn 01 năm” không đúng thời điểm lập hợp đồng, thời điểm lập giấy vay tiền không phải năm 2018 mà là năm 2015, thời điểm lập giấy vay tiền là trong thời kỳ hôn nhân của bị đơn với chị Nguyễn Thị Kim H, việc chị Hồng đại diện cho nguyên đơn tham gia tố tụng là mâu thuẫn với quyền lợi của nguyên đơn và không khách quan trong việc xác định là nợ chung hay nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân, không có chứng cứ chứng minh là bị đơn có nhận số tiền 2.000.000.000đồng của nguyên đơn.

[4] Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 09/12/2021; biên bản đối chất ngày 12/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/7/2022 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Thanh T cũng như người đại diện ủy quyền của anh T đều khai nhận nội dung trong giấy vay tiền ngày 20/5/2018 là do anh T viết, chữ ký và viết tên bên vay là cũng do anh ký và viết, tuy nhiên chữ viết (thời hạn 01

năm) là không phải chữ viết của anh, thời gian anh viết giấy vay tiền là vào năm 2015 không phải năm 2018. Giấy vay tiền này là nhằm mục đích để chị H có niềm tin vào tình cảm giữa chị và anh T nếu sau này anh T có bỏ rơi chị H thì chị Hồng có cơ sở để ràng buộc anh T.

[4.1] Xét thấy việc anh T cho rằng thời gian ghi trong giấy vay tiền có dấu hiệu chỉnh sửa là thời điểm xác lập năm 2015 chứ không phải năm 2018 nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh có sự chỉnh sửa từ năm 2015 qua năm 2018. Đối với nội dung (thời hạn 01 năm) được viết tiếp theo dòng chữ “khi nào bán nhà thì trả” của anh T được chị H thừa nhận là do chính chị viết, tuy nhiên phần ghi thêm này của chị Hồng cũng không làm thay đổi được nội dung mà anh T đã ghi trong giấy vay tiền.

[4.2] Đối với việc anh T cho rằng chị H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện ủy quyền của bà N sẽ không khách quan trong việc xác định là nợ chung hay nợ riêng trong thời kỳ hôn nhân và cũng không có chứng cứ chứng minh là anh đã nhận của bà N số tiền là 2.000.000.000đồng. Nhận thấy nội dung giấy vay tiền được thể hiện rõ thông tin bên vay là ông Nguyễn Thanh T và thông tin bên cho vay là bà Nguyễn Thị N, cả hai đều được ghi đầy đủ thông tin cá nhân trong giấy vay tiền và chị H ký tên với tư cách là người làm chứng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay anh T khai nhận trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Hồng không tạo lập được tài sản gì chung, không cùng nhau kinh doanh, anh chăn nuôi, mua bán quần áo cũ với đồng vốn rất ít và bằng tiền của riêng anh. Chị H cho rằng việc anh T vay tiền của bà N là để làm ăn riêng chị không biết và không cùng anh T sử dụng số tiền này. Ngoài lời trình bày của anh T, anh không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh đây là nợ chung của anh và chị Hồng trong thời kỳ hôn nhân.

[4.3] Đối với việc anh T cho rằng giấy vay tiền này là anh viết cho chị Hồng nhằm mục đích cho chị H tin tưởng là cơ sở để ràng buộc anh không bỏ rơi chị Hồng, không có văn bản nào thể hiện anh có nhận của bà N số tiền là 2.000.000.000đồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị H với anh T là hôn nhân hợp pháp, thời điểm xác lập hợp đồng vay tiền của bà N là thời gian chị Hồng và anh T còn chung sống hạnh phúc thì không thể có việc anh T ký tên vay tiền nhằm mục đích là để cam kết sau này khi anh T bỏ rơi chị H thì chị H có cơ sở để ràng buộc anh T không bỏ rơi chị H như lời anh T trình bày, hơn nữa nội dung giấy vay tiền thể hiện anh T vay tiền của bà N chứ không phải vay tiền của chị H. Tại mục thứ ba trong nội dung giấy vay tiền ghi “Tài sản vay và lãi vay: Bên vay tự nguyện vay của bên cho vay số tiền là hai tỷ đồng, bằng chữ hai tỷ đồng. Với lãi suất 0%/tháng khi nào bán nhà thì trả”. Như vậy đã thể hiện rõ anh T có vay của bà N số tiền là 2.000.000.000đồng.

Anh T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét lời bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhon là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là yêu cầu tính lãi của số tiền 2.000.000.000 đồng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2021 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với hai phần đất thửa số 63 và 64, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã TT, huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06414 và CS06415 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 04/7/2018 cho Nguyễn Thanh T đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 72.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028020 ngày 08/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thanh T chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh